

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày 19 tháng 10 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khuất Thị Toàn

2. Ông Đoàn Hùng Tự

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 29/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Trí Tr**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 10 năm 1984 tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trọng K (đã chết) và bà: Lê Thị H, sinh năm: 1965; Vợ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/01/2020, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã khởi tố về tội Tổ chức đánh bạc và đánh bạc nhưng được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt ngày 22/7/2020; Có mặt.

2. Họ và tên: **Kiều Tuấn A**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/8/1991 tại huyện B, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 12, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kiều Văn H, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị X, sinh

năm 1969; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1989; con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có vi phạm gì; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Thị Kim O**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/4/1967 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Tổ 2, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; tạm trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H (đã chết) và bà: Trần Thị H (đã chết); con: Có 02 con, con lớn (SN 1988 đã chết), con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có vi phạm gì; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 00 ngày 13/7/2020, tại tổ 17, phường T, thành phố H, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an thành phố H đã bắt quả tang Lê Trí Tr (SN 1984, hộ khẩu thường trú: Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang) có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: Từ ngày 24/6/2020 đến ngày 13/7/2020, Lê Trí Tr đã có hành vi sử dụng điện thoại di động Iphone 8 Plus lắp sim số thuê bao 0766330297 của Tr, đăng ký ứng dụng mạng xã hội zalo lấy tên tài khoản “Thằng Khờ” để thực hiện hành vi bán số lô, số đề. Tr đã bán số lô, số đề cho Kiều Tuấn A (SN 1991; HKTT: Thôn N, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội, hiện đang tạm trú tại tổ 12, phường T, thành phố H) và bán số đề cho Trần Thị Kim O (SN 1967, HKTT: Tổ 2, phường M, thành phố H, hiện đang tạm trú tại tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang). Khi thực hiện hành vi mua số lô, số đề, Kiều Tuấn A sử dụng điện thoại di động SamSung A71 lắp sim số thuê bao 0964361631 của A để nhắn tin đến số thuê bao 0766330297 của Tr; để thực hiện hành vi mua số đề O sử dụng điện thoại Iphone 5 lắp sim số thuê bao 0854779389 của O, đăng ký ứng dụng mạng xã hội zalo qua số điện thoại lấy tên tài khoản zalo “Trần Thị Kim O” để nhắn tin đến tài khoản zalo “Thằng Khờ” của Tr.

Về hình thức đánh bạc, người mua và người bán thỏa thuận như sau:

Đối với hình thức số đề: Khi khách muốn mua số đề sẽ nhắn tin đến số điện thoại hoặc zalo của Tr. Có 100 số là các số tự nhiên gồm hai chữ số, người mua lựa chọn các số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý. Đến cuối ngày sẽ đối chiếu các số đó với 02 chữ số cuối của giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng

ngày. Nếu số của khách đã chọn trùng với 02 chữ số cuối của giải đặc biệt thì khách sẽ được số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề.

Đối với hình thức số lô: Tính theo điểm, mỗi điểm lô là 23.000 đồng. Khi khách muốn mua số lô sẽ gửi tin nhắn đến số điện thoại hoặc zalo của Tr. Có 100 số là các số tự nhiên gồm hai chữ số, người mua lựa chọn các số bất kỳ để mua với số “điểm” tùy ý. Đến cuối ngày sẽ đối chiếu các số mà người mua đã chọn với 02 chữ số cuối các giải thưởng của xổ số kiến thiết Miền Bắc (từ giải đặc biệt đến giải bảy) mở thưởng cùng ngày. Nếu số của người mua đã chọn có 2 chữ số cuối trùng với 2 chữ số cuối của một trong các giải thưởng của xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày hôm đó thì mỗi “điểm” lô khách sẽ được hưởng số tiền là 80.000^d.

Hình thức thanh toán tiền: đối với mua số đề, người mua phải trả cho Tr 73% và được trích lại 27% trong tổng số tiền mua; đối với các số lô mua bằng điểm người mua không được trích phần trăm.

Tổng số tiền O đánh bạc với Tr trong ngày 24/6/2020 là: 7.880.000^d (Bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), ngày 25/6/2020 là: 4.920.000^d + 2.800.000^d = 7.720.000^d (Bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Sau hai lần mua số đề, O đã trực tiếp thanh toán cho Tr bằng tiền mặt số tiền 1.700.000^d (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền O đánh bạc với Tr là 15.520.000^d (Mười lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

Kiều Tuấn A và Tr đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với Tr tổng số 03 lần, cụ thể như sau: các ngày 11/7/2020 là 9.400.000^d (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng), Tuấn A đã chuyển trả cho Tr đủ số tiền trên, ngày 12/7/2020 là 6.400.000^d, ngày 13/7/2020 là: 23.000.000^d (Hai mươi ba triệu đồng). Tổng số tiền Tuấn A đánh bạc với Tr vào các ngày 11,12,13/7/2020 là 38.800.000^d (Ba tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Trong các ngày từ 24/6/2020 đến 13/7/2020, Tr đánh bạc bằng hình thức bán số đề với tổng số tiền 54.400.000^d (Năm tư triệu bốn trăm nghìn đồng), đã thu lợi được tổng số tiền 11.100.000^d (Mười một triệu một trăm nghìn đồng), số tiền trên Tr đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu trắng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 thẻ sim vinaphone số thuê bao 0854779389.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-TPHG ngày 28/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A và Trần Thị Kim O về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A, Trần Thị Kim O đã thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo cơ hội sửa chữa sai lầm của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A và Trần Thị Kim O về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố: Các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A và Trần Thị Kim O phạm tội “Đánh bạc”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tr từ 9 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A và bị cáo O từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo A, O.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, truy thu số tiền đánh bạc của bị cáo Tr số tiền: 65.500.000^d, bị cáo A: 29.400.000^d, bị cáo O: 13.900.000^d.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus và 01 điện thoại Samsung A71, trả lại cho bị cáo Tr 01 điện thoại Iphone 6 plus nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo nhận thấy việc làm của các bị cáo đã vi phạm pháp luật, các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố

tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A, Trần Thị Kim O: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận trong các ngày 24/6/2020 đến 13/7/2020, Lê Trí Tr đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề với tổng số tiền 54.400.000^d (Năm mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng), đã thu lợi được tổng số tiền 11.100.000^d (Mười một triệu một trăm nghìn đồng); Kiều Tuấn A và Tr đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với Tr tổng số 03 lần, với tổng số tiền là 38.800.000^d; Trần Thị Kim O đánh bạc với Tr trong các ngày 24, 25/6/2020 với tổng số tiền là 15.600.000^d (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến an ninh trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Cờ bạc là tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, làm tiêu tán tài sản, kinh tế của nhiều gia đình. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực, hành vi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức biết rõ đánh bạc dưới hình thức đánh “Đề” sát phạt nhau được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc bị Nhà nước cấm, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, hình phạt theo mức độ, vai trò của mỗi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung. Trong vụ án này có 3 bị cáo tham gia nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

[4] Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án:

[5] Bị cáo Lê Trí Tr: Là người sử dụng điện thoại di động đăng ký ứng dụng mạng xã hội zalo để thực hiện hành vi bán số lô, số đề. Do vậy Tr là người khởi xướng, đã lôi kéo A, O mua đề. Vì vậy bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. Bị cáo thành khẩn khai báo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo Kiều Tuấn A, Trần Thị Kim O: Đồng phạm với vai trò thực hành, khi thấy bị cáo Tr bán số đề, A, O đã tham gia mua đề với vai trò thực hiện hành vi đánh bạc. Hai bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra tại phiên tòa các bị cáo

thành khẩn khai báo, do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tr đã bị cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Giang khởi tố về hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc, đang trong thời gian tại ngoại chờ truy tố chuẩn bị xét xử thì tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội nhiều lần (03 lần với bị cáo A, 02 lần với bị cáo O) nên cả ba bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cần cách ly bị cáo Tr một thời gian ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[9] Đối với bị cáo A, O có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, cam kết chấp hành tốt pháp luật, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo là phù hợp với Điều 36 Bộ luật hình sự.

[11] Do các bị cáo Tr, A, O đều không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Biện pháp tư pháp: Truy thu tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đối với bị cáo Tr 65.500.000^d, bị cáo A 29.400.000^d, bị cáo O 13.900.000^d là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[10] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 plus và 01 điện thoại Samsung A71, 01 thẻ sim vinaphone có số thuê bao 0854779389.

[11] Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 plus thu giữ của bị cáo Tr, xác định không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[12] Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 5 của bị cáo O sử dụng vào mục đích phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại trên không còn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Trí Tr;

Khoản 1 Điều 321; Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kiều Tuấn A và Trần Thị Kim O.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A, Trần Thị Kim O phạm tội Đánh bạc.

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Trí Tr 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 22/7/2020; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo Kiều Tuấn A 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Kiều Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và Bản án; Miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim O 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang nhận được Quyết định thi hành án và Bản án; Miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự truy thu sung ngân sách nhà nước đối với: Bị cáo Lê Trí Tr số tiền: 65.500.000^d (Sáu lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn), bị cáo Kiều Tuấn A số tiền: 29.400.000^d (Hai chín triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn), bị cáo Trần Thị Kim O số tiền: 13.900.000^d (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 plus

và 01 điện thoại Samsung A71, 01 thẻ sim vinaphone có số thuê bao 0854779389; trả lại cho bị cáo Tr 01 điện thoại Iphone 6 plus nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/ 2020 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Trí Tr, Kiều Tuấn A, Trần Thị Kim O mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/10/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSNDTPHG, tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG, tỉnh H Giang;
- CQTHA Hình sự CATP HG;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Nhà tạm giữ Công anTP HG, tỉnh HG;
- THA DS TP.
- Sở Tư Pháp.
- Lưu HS - BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy